TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HẢI** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-8-2020.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quang Minh Nghiêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Kim Phụng.

2. Ông Nguyễn Minh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Giàu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên toà: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp CD A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Trần Văn U, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp CD A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

(bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông U vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông U chung sống vào năm 1995 trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và có đến Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu đăng ký kết hôn năm 2003.

Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, cuộc sống luôn căng thẳng không hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là vợ chồng không cùng quan điểm, cách sống, ông U thường xuyên đánh bà gây thương tích, thời gian đầu vì các con còn nhỏ nên bà nhẫn nhịn tiếp tục chung sống, thời gian gần đây ông U lại đánh bà. Vợ chồng cũng nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng ông U không thay đổi tính tình. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông U.

Về con chung: Bà với ông U chung sống có 02 người con là Trần Minh T1, sinh năm 1996, Trần Minh T2, sinh năm 1998, hai con đã thành niên nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: bà và ông U tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn U trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/6/2020.

Về hôn nhân: Ông với bà H chung sống vào năm 1995 trên tinh thần tự nguyện, được cha mẹ tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương và có đến Ủy ban nhân dân xã LĐ, huyện ĐH đăng ký kết hôn năm 2003.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là bà H không quan tâm gia đình và con mà thường xuyên uống rượu, có lần vì bực tức nên ông có đánh bà H nhiều lần bằng cây nhưng không gây thương tích nặng. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau với bà H cách nay hơn 01 tháng thì vợ chồng không còn nói chuyện, hòa giải, hàn gắn, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn, ông xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, ông không đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông với bà H có 02 người con gồm Trần Minh T1, sinh năm 1996, Trần Minh T2, sinh năm 1998, các con đã thành niên nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản, nợ: Ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng theo triệu tập của Tòa án.

Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995, bà H và ông U tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ, do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống giữa bà H với ông U phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay bà H yêu cầu ly hôn, ông U không đồng ý ly hôn nhưng ông không có

biện pháp gì để hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn để tiếp tục chung sống. Xét thấy, hôn nhân của bà H với ông U đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình cần cho bà H được ly hôn với ông U là phù hợp.

Về con chung: hai người con Trần Minh T1, sinh năm 1996, Trần Minh T2, sinh năm 1998 đã tHnh niên nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản và nợ: bà H và ông U không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân bà H nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải về tuân theo pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn U, ông U có địa chỉ cư trú tại ấp CD A, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông U được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến Hnh xét xử vắng mặt bà H và ông U.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995, bà H và ông U tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LĐ. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Theo bà H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông U thường xuyên đánh bà, hiện nay đời sống hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn, còn ông U thừa nhận có đánh bà H bằng cây nhiều lần, nguyên nhân là bà H không quan tâm gia đình, nay bà H yêu cầu ly hôn ông xác định mâu thuẫn giữa ông bà là nhỏ, có thể Hn gắn được nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ. Qua thời gian chung sống giữa bà H và ông U đã không thực hiện được mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân. Ông U không đồng ý ly hôn nhưng ông không có biện pháp để hòa giải, hàn gắn, ông thừa nhận trong khoảng thời gian sống ly thân giữa ông bà không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã triệu tập ông U để dự phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy ông U không có thiện chí hòa giải, hàn gắn để tiếp tục chung sống với bà H, hiện nay bà H vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy hôn nhân của bà H với ông U đã lâm vào trình trạng

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà H được ly hôn với ông U là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: hai người con Trần Minh T1, sinh năm 1996, Trần Minh T2, sinh năm 1998 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản và nợ: bà H và ông U không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm hôn nhân: bà H phải nộp số tiền 300.000 đồng, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Văn U.

2. Về con chung: hai người con Trần Minh T1, sinh năm 1996, Trần Minh T2, sinh năm 1998 đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ: bà H và ông U không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm hôn nhân: bà Nguyễn Thị H phải nộp số tiền 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị H đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng vào ngày 01/6/2020 theo biên lai thu tiền số 0007664 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải được chuyển thu án phí.

Án xử công khai, bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quang Minh Nghiêm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- Chi Cục THA.DS huyện Đông Hải;
- UBND xã LĐ;
- Các đương sự;
- Lưu.